

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2026/HS-ST

Ngày 07 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.
2. Ông Đỗ Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 2- Gia Lai, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 2- Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thuỳ Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 2- Gia Lai, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2026/TLST- HS, ngày 18 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 308/2026/QĐXXST- HS, ngày 26 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 729/2026/HSST-QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 08/11/1992, tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Số F Q, tổ dân phố A A (nay là tổ dân phố A), phường A, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1963; Mẹ: Võ Thị Kim H1, sinh năm: 1969; Anh chị em ruột: 01 người; Vợ: Nguyễn Thị Kiều M: sinh năm: 1990; Con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012;

Tiền án: Ngày 15/02/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai (cũ) xử phạt 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, chấp hành xong hình phạt ngày 15/8/2023; ngày 08/4/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (cũ) xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong hình phạt ngày 15/8/2023.

Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 23/10/2008, bị Chủ tịch UBND thị xã A, tỉnh Gia Lai (cũ) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng; ngày 29/10/2025, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G khởi tố bị can về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” quy định tại khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh G, hiện có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày: 02/12/2001 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ dân phố A N (nay là tổ dân phố N), phường A, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Tiền án, tiền sự: không; Cha: Nguyễn Đ1, sinh năm 1970; Mẹ: Huỳnh Thị H2, sinh năm: 1974; Anh chị em ruột: 03 người; Vợ: Trần Nguyễn Giang C, sinh năm: 2002; Con: Chưa có.

Về nhân thân: Ngày 12/6/2019, bị Công an phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng tay chân đánh Lưu Đức P bị thương nhẹ” với số tiền 375.000 đồng; ngày 25/12/2023, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam A (Cơ sở 1) thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G. Hiện có mặt tại phiên toà.

3. Nguyễn Thanh P1, sinh ngày: 18/4/2001 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn E (nay là thôn Đ), xã K, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Tiền án, tiền sự: không; Cha: Nguyễn Thanh L, sinh năm 1973; Mẹ: Phạm Thị V, sinh năm 1973; Anh chị em ruột: 02 người; Vợ: Nguyễn Thị Thảo V1 (đã ly hôn); Con: 01 con, sinh năm 2018;

Về nhân thân: Ngày 09/4/2026, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G khởi tố bị can về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Phân trại tạm giam A thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh G. Hiện có mặt tại phiên toà.

3. Lê Quý L1, sinh ngày: 30/01/2008 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ dân phố C A (nay là tổ dân phố A), phường A, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học

vấn: 08/12; Tiền án, tiền sự: không; Cha: Lê Văn H3, sinh năm 1980; Mẹ: Nguyễn Thị L2, sinh năm 1983; Anh chị em ruột: 01 người; Vợ, con: Chưa có;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, tại phường A, tỉnh Gia Lai, hiện có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lê Văn T1, sinh năm 1976; nơi cư trú Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Quý L1: Ông Lê Văn H3, sinh năm 1979, bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố C A, (nay là tổ dân phố A), phường A, tỉnh Gia Lai; là cha mẹ bị cáo L1, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đặng Minh N, sinh năm 1998; nơi cư trú 1 N, phường A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Nguyễn Thị Ý N1, sinh năm 2001; nơi cư trú E Đ, phường A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Nguyễn Thị L3, sinh năm 1973; nơi cư trú 5 P, phường T, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1990; nơi cư trú F Q, phường A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Nguyễn Công B, sinh năm 1996; nơi cư trú 1 C, phường A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chiều tối ngày 30/11/2025, Trương Văn H4 điều khiển xe ô tô bán tải, hiệu Ford Ranger, biển số 81C-222.68 (do bà Nguyễn Thị L3 làm chủ sở hữu và đã cho H4 thuê sử dụng để đi lại từ ngày 11/9/2025) đến nhà rủ Nguyễn Văn Đ đi cùng để giúp làm một số việc thì Đ đồng ý, rồi H4 điều khiển xe chở Đ đến nhà của Nguyễn Thanh T, ngồi nói chuyện được một lúc H4 trao đổi với T về việc phát hiện tại phường A, tỉnh Gia Lai có một trại gỗ, phía trước có đặt các trụ gỗ tròn thành phẩm không có người trông coi nên rủ T đi trộm về để xây chòi gỗ phía sau nhà của T thì T đồng ý. Sau khi thống nhất, Hoàng liên L4 rủ Nguyễn Thanh P1 đi trộm cắp tài sản thì P1 đồng ý. H4 điều khiển xe ô tô chở T, Đ và P1 đi từ phường A, tỉnh Gia Lai đến đèo A. Vì sợ 04 người không khiêng được các trụ gỗ nên H4 trao đổi với T

rủ thêm người, T đồng ý rồi liên lạc nhờ Lê Quý L1 đi cùng để khiêng đồ giúp thì L1 đồng ý. T thuê taxi đón L1 tại phường A chở đến điểm hẹn tại chân đèo A. Sau đó, H4 điều khiển xe ô tô chở T, Pháp, Đ và L1 đi đến trại gỗ V thuộc tổ dân phố H, phường A, tỉnh Gia Lai do ông Lê Văn T1 làm chủ. Đến nơi, L1, Pháp và Đ biết được cả nhóm đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng vẫn đồng ý cùng H4 và T lên lút khiêng 04 (bốn) trụ gỗ tròn của ông T1 để phía trước trại gỗ (không có biện pháp bảo vệ, không có người trông coi) đưa lên phần thùng xe ô tô rồi chở đi nhằm mục đích chiếm đoạt. Trên đường đi, vì không thể chở các trụ gỗ về phường A bằng xe ô tô này, T liên lạc với Đặng Minh N lấy lý do là gỗ thành phẩm chưa giao được cho người mua nên nhờ N giữ giúp và hẹn khoảng 02 - 03 ngày sau sẽ đến lấy lại thì N đồng ý và hướng dẫn T đến số nhà E Đ, phường A, tỉnh Gia Lai (do bạn gái của N là Nguyễn Thị Ý N1 đang thuê ở). H4 điều khiển xe chở cả nhóm đến địa chỉ theo hướng dẫn của N, khiêng 04 trụ gỗ xuống để tại phần sân trước nhà rồi quay về lại phường A. Đến tối ngày 02/12/2025, T liên lạc với Nguyễn Công B để thuê xe ô tô tải chở 04 trụ gỗ nói trên từ số nhà E Đ, phường A, tỉnh Gia Lai về nhà T tại địa chỉ số F Q, tổ dân phố A A, phường A, tỉnh Gia Lai thì B đồng ý. Tuy nhiên, tối ngày 02/12/2025, Công an phường A kiểm tra bắt quả tang Đặng Minh N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đồng thời phát hiện nghi vấn nên tạm giữ 04 trụ gỗ nói trên để xác minh theo quy định. Đến chiều ngày 03/12/2025, T liên lạc nhờ L1, P1 và Đ đến nhà để khiêng giúp các trụ gỗ đã trộm được xuống nhưng sau đó T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường A kết luận: 01 (một) cây gỗ hình trụ tròn, loại gỗ Jatoba, có đường kính 20cm và chiều dài 4,13m; 01 (một) cây gỗ hình trụ tròn, loại gỗ Jatoba, có đường kính 20,5cm và chiều dài 4,11m; 01 (một) cây gỗ hình trụ tròn, loại gỗ Jatoba, có đường kính 20,9cm và chiều dài 4,1m; 01 (một) cây gỗ hình trụ tròn, loại gỗ Jatoba, có đường kính 21 cm và chiều dài 4,12m tại thời điểm bị xâm phạm 04 cây gỗ có đặc điểm nêu trên có tổng giá trị thành tiền là 36.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho ông Lê Văn T1 04 cây gỗ hình trụ tròn mà nhóm của Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt; tạm giữ và trả lại cho bà Nguyễn Thị L3 01 xe ô tô biển số 81C-222.68 mà bà L3 đã cho Trương Văn H4 thuê; ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị L3 không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 52/CT-VKSGLI-KV ngày 16 tháng 6 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T,

Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 và Lê Quý L1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 và Lê Quý L1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 18 đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt, bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thanh P1 từ 12 đến 15 tháng tù, riêng đối với bị cáo Lê Quý L1 còn áp dụng Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 và Lê Quý L1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như Cáo trạng đã nêu và các chứng cứ mà cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 2- Gia Lai và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 và Lê Quý L1 thừa nhận toàn bộ sự việc phạm tội giống như lời khai của các bị

cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định: Rạng sáng ngày 01/12/2025, tại tổ dân phố H, phường A, tỉnh Gia Lai; Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 và Lê Quý L1 đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của ông Lê Văn T1 lén lút chiếm đoạt 04 cây gỗ hình trụ tròn có giá trị thành tiền là 36.000.000 đồng đưa lên xe ô tô biển số 81C-222.68 do Trương Văn H4 thuê mang về số nhà E Đ, phường A, tỉnh Gia Lai cất giấu. Hành vi của Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 và Lê Quý L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và nhận thức được hậu quả của hành vi đó sẽ gây thiệt hại đến tài sản của người khác, nhưng vì các bị cáo muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào rạng sáng ngày 01/12/2025, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 và Lê Quý L1 đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của ông Lê Văn T1 cùng Trương Văn H4 điều khiển xe ô tô biển số 81C-222.68 do H4 thuê của Nguyễn Thị L3 đến trại gỗ V thuộc tổ dân phố H, phường A, tỉnh Gia Lai do ông Lê Văn T1 làm chủ, tại đây các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 04 cây gỗ hình trụ tròn của ông T1, có giá trị thành tiền là 36.000.000 đồng mang về số nhà E Đ, phường A, tỉnh Gia Lai cất giấu. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 và Lê Quý L1 đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; hành vi của các bị cáo làm mất an ninh trật tự nơi xảy ra vụ án, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Trong vụ án này Trương Văn H4 là người chủ mưu, rủ rê, chuẩn bị phương tiện còn các bị cáo còn lại là đồng phạm với vai trò người thực hành, có vai trò như nhau. Tuy nhiên tại thời điểm phạm tội bị cáo T có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 53 BLHS, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng

ngừa chung. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 đều có nhân thân xấu nên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho tương xứng với nhân thân của các bị cáo. Đối với Lê Quý L1 tại thời điểm phạm tội bị cáo L1 chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo L1 chưa có nhận thức đầy đủ về hành vi của mình nên cần áp dụng khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên, khi quyết định hình phạt.

[6] Xét về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về vật chứng vụ án: 04 cây gỗ hình trụ tròn mà nhóm của Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt đã trả lại cho ông Lê Văn T1, ông T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

-Đối với chiếc xe ô tô biển số 81C-222.68 do bà Nguyễn Thị L3 là chủ sở hữu, bà L3 đã cho Trương Văn H4 thuê; nhưng khi H4 sử dụng đi trộm cắp tài sản bà L3 không biết nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G không xử lý hình sự đối với Nguyễn Thị L3 và trả lại xe cho bà L3 là có căn cứ.

[8] Xét về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 còn quy định hình phạt bằng tiền, nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đối với Trương Văn H4 là người cầm đầu, chủ mưu hiện bỏ trốn nên bị Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã và tách ra để xử lý trong vụ án khác là phù hợp.

Đối với Đặng Minh N cho các bị cáo gửi 04 trụ gỗ ở số nhà E Đ, phường A, tỉnh Gia Lai không biết đây là tài sản trộm mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[11] Xét những chứng cứ mà kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Thanh T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 .

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với Lê Quý L1.

Căn cứ khoản 2 Điều 106, Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P1 và Lê Quý L1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 09/4/2026.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P1 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

-Xử phạt bị cáo Lê Quý L1 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

3. Về bồi thường thiệt hại: Toà không xét.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo T, Đ, Pháp, L1 mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/8/2026). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

7. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;

-Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 2- Gia Lai;

-Phòng THA dân sự Khu vực 2- Gia Lai;

-Phòng HSNV (PV06) Công an tỉnh Gia Lai;

-Bị cáo;

-Bị hại, Người có QLNVLQ;

-Lưu hồ sơ.

Trần Thị Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

